

KẾ HOẠCH

Kế hoạch triển khai thí điểm 04 mô hình mẫu “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 13/02/2026; Thông báo kết luận phiên họp thứ ba số 06/TB-BCĐ ngày 14/8/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh, Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 13/3/2026 của UBND tỉnh về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2026 trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở Bộ tiêu chí “Công dân số tiêu biểu”, “Thôn/buôn/khu phố số tiêu biểu”, “Thôn/buôn số - vùng đồng bào dân tộc thiểu số” và “Nông thôn số - Làm giàu từ công nghệ”, nhằm đẩy mạnh Phong trào “Bình dân học vụ số”, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thí điểm 04 mô hình mẫu “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh (gồm mô hình “Công dân số tiêu biểu”, “Thôn/buôn/khu phố số tiêu biểu”, “Nông thôn số - Làm giàu từ công nghệ”, “Thôn/buôn số - vùng đồng bào dân tộc thiểu số”), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa Kế hoạch số 06-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo tỉnh, Kế hoạch số 76/KH-UBND của UBND tỉnh và Thông báo kết luận số 06/TB-BCĐ của Ban Chỉ đạo tỉnh; đưa công nghệ số, kỹ năng số tới từng tầng lớp nhân dân, hộ gia đình, thôn, buôn, tổ dân phố; tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thí điểm các mô hình mẫu: “Công dân số tiêu biểu”, “Thôn/buôn/khu phố số tiêu biểu”, “Nông thôn số - Làm giàu từ công nghệ” và “Thôn/buôn số - vùng đồng bào dân tộc thiểu số” tại các xã, phường, giúp người dân tiếp cận các tiện ích số, đẩy mạnh học tập và ứng dụng công nghệ số vào đời sống, phù hợp với điều kiện kinh tế, trình độ, đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và khả năng tiếp cận công nghệ của từng tầng lớp nhân dân.

- Lựa chọn, xây dựng các xã, phường điểm về ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp, nông thôn, lấy nông dân làm trung tâm, hình thành các điển hình “Nông dân số”, “Hợp tác xã số” gắn với sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản trên nền tảng số, qua đó nâng cao thu nhập, giúp nông dân thực sự “làm giàu từ công nghệ”.

2. Yêu cầu

- Quán triệt, thực hiện nghiêm phương châm “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền) trong toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện.

- Thời gian thực hiện từ tháng 9/2026, triển khai thí điểm từ ngày 22/9/2026 đến ngày 22/12/2026; tổ chức đánh giá kết quả, thẩm định mức độ đáp ứng các Bộ tiêu chí và hoàn thành, tổ chức tổng kết thí điểm trong tháng 12/2026, làm cơ sở xem xét nhân rộng mô hình.

- Việc áp dụng, đánh giá theo 04 Bộ tiêu chí phải giữ nguyên các nhóm tiêu chí, chỉ tiêu, thang điểm và cách tính điểm đã được xây dựng, ban hành. UBND xã, phường được chủ động lựa chọn hình thức triển khai, cách làm phù hợp, nhưng không thay đổi nhóm tiêu chí, chỉ tiêu, thang điểm; trường hợp phát sinh nội dung mới thì báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét.

- Việc đề xuất, lựa chọn xã, phường, thôn/buôn/tổ dân phố thí điểm phải thực chất, đúng đối tượng, có sự đồng thuận, cam kết của cấp ủy, chính quyền và người dân; không chạy theo thành tích, hình thức.

- Đơn vị đồng hành các mô hình: Viettel Đắk Lắk; VNPT Đắk Lắk; MobiFone Đắk Lắk và các doanh nghiệp công nghệ số.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về nội dung, tiến độ, chất lượng nhiệm vụ được giao; định kỳ báo cáo, kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Các địa phương trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc rà soát, lựa chọn và đề xuất thôn, buôn, khu phố phù hợp để xây dựng mô hình điểm Phong trào “Bình dân học vụ số”.

2. Triển khai đồng bộ 04 mô hình mẫu Phong trào “Bình dân học vụ số”, mỗi mô hình lựa chọn 3 địa phương triển khai thí điểm theo hướng địa phương ở: đô thị; đồng bằng; vùng sâu, vùng xa.

3. Các địa phương được lựa chọn thí điểm hoàn thành triển khai mô hình trong thời gian 04 tháng, từ tháng 9/2026 đến hết tháng 12/2026; tổ chức tự đánh giá, hoàn thiện các tiêu chí và phấn đấu đạt tối thiểu mức xếp loại “Tiêu biểu” (hoặc “Đạt tiêu chí” đối với mô hình “Thôn/buôn số - vùng đồng bào dân tộc thiểu số”) theo Bộ tiêu chí tương ứng.

4. 100% mô hình thí điểm được tổ chức đánh giá, thẩm định kết quả; hoàn thành tổng kết thí điểm trong tháng 12/2026, làm cơ sở báo cáo UBND tỉnh xem xét, công nhận và quyết định việc nhân rộng các mô hình phù hợp trên địa bàn tỉnh từ năm 2027.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, đề xuất và lựa chọn xã, phường, thôn/buôn/khu phố thí điểm và nhân rộng

a) Nội dung:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu lựa chọn địa phương triển khai thí điểm các mô hình mẫu của Phong trào “Bình dân học vụ số”; mỗi mô hình lựa chọn 03 địa phương đại diện cho các nhóm địa bàn đặc thù gồm: (1) Đô thị, (2) đồng bằng, (3) vùng sâu, vùng xa.

- UBND các xã, phường căn cứ Bộ tiêu chí của từng mô hình, rà soát, lựa chọn và đề xuất thôn/buôn/tổ dân phố phù hợp để triển khai; gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu mở rộng trong các giai đoạn tiếp theo. Trong đó: Mô hình “Công dân số tiêu biểu” và “Thôn/buôn/tổ dân phố số tiêu biểu” áp dụng trên toàn tỉnh; Mô hình “Thôn/buôn số - vùng đồng bào dân tộc thiểu số” áp dụng đối với địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số; mô hình “Nông thôn số - Làm giàu từ công nghệ” áp dụng đối với địa bàn có thế mạnh sản xuất nông nghiệp.

- Trên cơ sở đề xuất của các địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát, đánh giá, tham mưu lựa chọn địa phương triển khai nhân rộng các mô hình; phối hợp với các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp viễn thông và công nghệ số khảo sát điều kiện hạ tầng, nguồn lực hỗ trợ và tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Chỉ tiêu: 100% xã, phường (102/102 xã, phường) thực hiện rà soát, đề xuất thôn/buôn/tổ dân phố phù hợp để triển khai các mô hình. Lựa chọn các địa phương đủ điều kiện để triển khai thí điểm và nhân rộng theo từng mô hình.

c) Đơn vị chủ trì:

- UBND xã, phường: Rà soát, đề xuất thôn/buôn/tổ dân phố theo bộ tiêu chí.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì tổng hợp, đánh giá, đề xuất danh sách thí điểm và trình UBND tỉnh.

d) Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số và các cơ quan, đơn vị liên quan.

e) Thời gian thực hiện:

- Hoàn thành rà soát, đề xuất địa bàn thí điểm: Trong tháng 9/2026.

- Hoàn thành rà soát, đề xuất địa bàn nhân rộng: Trong tháng 10/2026.

g) Địa phương lựa chọn triển khai thí điểm:

- Mô hình mẫu “Công dân số tiêu biểu”: Phường Tuy Hòa, phường Buon Ma Thuật, phường Sông Cầu.

- Mô hình mẫu “Thôn/buôn/tổ dân phố số tiêu biểu”: Phường Bình Kiến, phường Ea Kao, xã Sơn Thành.

- Mô hình mẫu “Nông thôn số – Làm giàu từ công nghệ”: Xã Hòa Thịnh; xã Krông Ana, xã Krông Năng.

- Mô hình mẫu “Thôn/buôn số - vùng đồng bào dân tộc thiểu số”: Xã Xuân Lãnh, xã Buon Đôn, xã Ea Súp.

(Các địa phương thí điểm được lựa chọn bảo đảm đại diện cho 03 nhóm địa bàn đặc thù (đô thị, đồng bằng, vùng sâu, vùng xa) để đánh giá hiệu quả mô hình và làm cơ sở triển khai nhân rộng trên địa bàn tỉnh).

h) Kết quả đầu ra:

- Danh sách thôn/buôn/tổ dân phố triển khai thí điểm các mô hình trên địa bàn các xã, phường.

- Danh sách thôn/buôn/tổ dân phố triển khai nhân rộng các mô hình trên địa bàn các xã, phường.
- Danh sách triển khai được đánh giá dựa trên bộ tiêu chí của các mô hình.

2. Ban hành Kế hoạch chi tiết cấp xã và quán triệt phương châm “6 rõ”

a) Nội dung: Địa phương được lựa chọn thí điểm ban hành Kế hoạch chi tiết cấp xã cho từng mô hình được lựa chọn xây dựng, phân công cụ thể bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; tổ chức quán triệt đến thôn/buôn/tổ dân phố điểm và Tổ Công nghệ số cộng đồng.

b) Chỉ tiêu: 100% xã, phường thí điểm ban hành Kế hoạch chi tiết cấp xã.

c) Đơn vị chủ trì: UBND các xã, phường thí điểm.

d) Thời gian thực hiện: Tháng 9/2026.

e) Kết quả đầu ra: Kế hoạch triển khai của địa phương.

3. Hoàn thiện hạ tầng số tại khu vực triển khai thí điểm

a) Nội dung: Rà soát hiện trạng hạ tầng viễn thông, Internet, vùng phủ sóng di động, chất lượng kết nối và trang thiết bị tại các thôn/buôn/tổ dân phố được lựa chọn thí điểm; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số triển khai giải pháp xử lý vùng lõm sóng, nâng cao chất lượng kết nối Internet; bố trí, hoàn thiện kết nối wifi và trang thiết bị cần thiết tại Nhà văn hóa, Nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc Điểm Bình dân học vụ số, bảo đảm điều kiện để tổ chức hướng dẫn, thực hành kỹ năng số và hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng, dịch vụ, tiện ích số.

b) Chỉ tiêu: 100% thôn/buôn/tổ dân phố chọn thí điểm được rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, Internet; các vùng lõm sóng, khu vực có chất lượng kết nối chưa đáp ứng yêu cầu được xác định và có phương án xử lý; 100% Điểm Bình dân học vụ số/điểm hỗ trợ cộng đồng tại địa bàn thí điểm có kết nối Internet và trang thiết bị thiết yếu đáp ứng yêu cầu hướng dẫn, thực hành kỹ năng số cho người dân.

c) Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số rà soát, đề xuất giải pháp bảo đảm hạ tầng viễn thông, kết nối Internet tại các địa bàn thí điểm. UBND các xã, phường thí điểm chủ trì bố trí địa điểm và bảo đảm các điều kiện cần thiết tại Nhà văn hóa, Nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc Điểm Bình dân học vụ số thuộc địa bàn quản lý.

d) Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường thí điểm.

e) Đơn vị đồng hành: Viettel Đắk Lắk; VNPT Đắk Lắk; MobiFone Đắk Lắk và các doanh nghiệp công nghệ số.

f) Thời gian thực hiện: Từ ngày 15/9/2026 đến ngày 30/9/2026; tiếp tục duy trì, hoàn thiện trong suốt thời gian triển khai thí điểm.

g) Kết quả đầu ra: 100% địa bàn thí điểm được rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, Internet và vùng lõm sóng, đảm bảo triển khai các mô hình.

4. Phương pháp triển khai mô hình

4.1. Phổ cập kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và các nhóm đối tượng

a) Nội dung:

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng số, phương pháp triển khai cho Tổ Công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường triển khai thí điểm, tập trung vào các nội dung: VNeID; Dịch vụ công trực tuyến; Thanh toán không dùng tiền mặt; Thương mại điện tử; Các nền tảng số thiết yếu; Kỹ năng bảo đảm an toàn trên môi trường số.

- Phát huy vai trò Tổ Công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt trực tiếp phổ cập kỹ năng số tại cơ sở:

+ Hướng dẫn các nhóm đối tượng tại thôn/buôn/tổ dân phố điểm tham gia các khóa học phù hợp trên nền tảng “Bình dân học vụ số” quốc gia; gắn việc học với thực hành và đánh giá kết quả theo yêu cầu của từng mô hình.

+ Tổ chức hướng dẫn, thực hành trực tiếp cho người dân sử dụng VNeID và các tiện ích tích hợp; chữ ký số; dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng “Đắc Lắc Số” và các nền tảng, dịch vụ, tiện ích số thiết yếu phục vụ học tập, công việc, sản xuất, kinh doanh và đời sống; trang bị kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhận diện và phòng tránh lừa đảo trên môi trường số.

+ Triển khai phương thức “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, ưu tiên người cao tuổi, người yếu kỹ năng số, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm còn hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ; hướng dẫn trực tiếp trên thiết bị của người dân theo phương châm “học đến đâu, thực hành được đến đó”.

+ Nội dung, hình thức hướng dẫn được lựa chọn phù hợp với từng nhóm đối tượng và đặc thù của từng mô hình; lấy khả năng tự thực hiện được các kỹ năng số của người dân sau khi được hướng dẫn làm kết quả đánh giá, không chỉ căn cứ vào số lớp tập huấn hoặc số lượt người tham gia.

b) Chỉ tiêu: 100% Tổ Công nghệ số cộng đồng tại địa bàn thí điểm được tập huấn, hướng dẫn phương pháp triển khai; các nhóm đối tượng thuộc phạm vi thí điểm được phổ cập, hướng dẫn và đánh giá kỹ năng số, bảo đảm đạt các chỉ tiêu, tỷ lệ và mức điểm theo Bộ tiêu chí tương ứng của từng mô hình.

c) Đơn vị chủ trì:

- UBND các xã, phường thí điểm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho Tổ Công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường thí điểm; chủ trì tổ chức phổ cập, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân; huy động Tổ Công nghệ số cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng tại cơ sở triển khai trực tiếp tại thôn/buôn/tổ dân phố điểm theo phương thức “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”; tổ chức đánh giá kết quả thực hành theo Bộ tiêu chí của từng mô hình.

d) Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh; Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Đơn vị đồng hành: Viettel Đắk Lắk; VNPT Đắk Lắk; MobiFone Đắk Lắk và các doanh nghiệp công nghệ số.

f) Thời gian thực hiện:

- Tập huấn, hướng dẫn cho Tổ Công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường thí điểm: Trước ngày 15/10/2026.

- Phổ cập, hướng dẫn và đánh giá kỹ năng số cho người dân tại các địa bàn thí điểm: Từ ngày 22/9/2026 đến ngày 22/12/2026.

g) Kết quả đầu ra: Tổ Công nghệ số cộng đồng và người dân tại địa bàn thí điểm được tiếp cận, hướng dẫn và thực hành các kỹ năng số cơ bản.

4.2. Xây dựng các điển hình “Công dân số tiêu biểu” và “Thôn/buôn/khu phố số tiêu biểu”

a) Nội dung: Tuyên truyền, vận động người dân tham gia học tập, nâng cao kỹ năng số. Hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng số phục vụ học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và đời sống. Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử và các tiện ích số. Đánh giá, lựa chọn các cá nhân và cộng đồng dân cư đáp ứng Bộ tiêu chí để công nhận mô hình.

b) Chỉ tiêu: 100% xã, phường thí điểm thực hiện tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân các kỹ năng số theo các Bộ tiêu chí “Công dân số tiêu biểu” và “Thôn/buôn/khu phố số tiêu biểu”.

c) Đơn vị chủ trì: UBND các xã, phường thí điểm.

d) Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh; Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Đơn vị đồng hành: Viettel Đắk Lắk; VNPT Đắk Lắk; MobiFone Đắk Lắk và các doanh nghiệp công nghệ số.

f) Thời gian thực hiện: Từ ngày 22/9/2026 đến ngày 22/12/2026.

g) Kết quả đầu ra:

- Hình thành các điển hình công dân số tiêu biểu.

- Hình thành các thôn, buôn, khu phố số tiêu biểu tại địa bàn thí điểm.

4.3. Phát triển thương mại số và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp

a) Nội dung: Hỗ trợ nông dân, hộ sản xuất, hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp tại các địa bàn thí điểm ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quảng bá, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm; tập trung vào các nội dung:

- Hướng dẫn xây dựng thông tin, hình ảnh, video, câu chuyện sản phẩm; quảng bá sản phẩm trên mạng xã hội, sàn thương mại điện tử và các nền tảng số

phù hợp; ứng dụng kỹ năng livestream, bán hàng trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

- Hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu; ứng dụng mã QR, truy xuất nguồn gốc; đưa các sản phẩm đủ điều kiện lên “Bản đồ số nông sản” tỉnh Đắk Lắk và các nền tảng số phù hợp.

- Hướng dẫn nông dân, hợp tác xã, hộ sản xuất khai thác thông tin về giá cả, thị trường, thời tiết, kỹ thuật sản xuất; ứng dụng các công cụ số, trí tuệ nhân tạo và các giải pháp công nghệ phù hợp để hỗ trợ sản xuất, quản lý, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

- Lựa chọn ít nhất 01 sản phẩm, nhóm sản phẩm, hộ sản xuất hoặc hợp tác xã tại mỗi địa bàn thí điểm để hỗ trợ theo chuỗi từ sản xuất → xây dựng nội dung số → truy xuất nguồn gốc → quảng bá → kết nối thị trường → giao dịch, thanh toán số, làm mô hình mẫu để đánh giá và nhân rộng.

- Khuyến khích triển khai các giải pháp IoT, cảm biến, tự động hóa và công nghệ số phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế; ưu tiên các giải pháp có khả năng đo lường hiệu quả, giảm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng hoặc giá trị sản phẩm.

b) Chỉ tiêu: Các địa phương triển khai mô hình đạt các chỉ tiêu, tỷ lệ và mức điểm theo Bộ tiêu chí “Nông thôn số - Làm giàu từ công nghệ”; hình thành ít nhất 01 mô hình sản xuất, kinh doanh hoặc sinh kế ứng dụng công nghệ số có sản phẩm đầu ra cụ thể; có theo dõi, đánh giá kết quả ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quảng bá, kết nối thị trường hoặc tiêu thụ sản phẩm.

c) Đơn vị chủ trì:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp hướng dẫn ứng dụng các nền tảng, giải pháp công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; hỗ trợ các nội dung về sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc và các giải pháp công nghệ phục vụ xây dựng mô hình.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, chế biến nông sản; xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, sản phẩm OCOP gắn với chuyển đổi số; phối hợp lựa chọn, hỗ trợ xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.

- Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử, quảng bá, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm trên các nền tảng số; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, hộ kinh doanh nâng cao kỹ năng kinh doanh và bán hàng trên môi trường số.

- UBND các xã, phường thí điểm chủ trì lựa chọn đối tượng, sản phẩm, hộ sản xuất, hợp tác xã phù hợp; huy động các lực lượng tại địa phương phối hợp tổ chức triển khai, theo dõi và đánh giá hiệu quả thực tế của mô hình.

d) Đơn vị phối hợp: Lực lượng hệ thống Khuyến nông tỉnh (viên chức khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông cơ sở) và công chức phụ trách nông nghiệp - môi trường cấp xã; Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã, phường thí điểm.

e) Đơn vị đồng hành: Viettel Đắk Lắk; VNPT Đắk Lắk; MobiFone Đắk Lắk và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

f) Thời gian thực hiện: Từ ngày 22/9/2026 đến ngày 22/12/2026, trong đó tập trung hỗ trợ xây dựng mô hình, ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử và kết nối tiêu thụ sản phẩm từ tháng 10/2026; theo dõi, đánh giá kết quả thực tế trong suốt quá trình triển khai.

g) Kết quả đầu ra: hình thành các điển hình “Nông thôn số - làm giàu từ công nghệ” trên địa bàn xã, phường thí điểm.

4.4. Hỗ trợ tiếp cận công nghệ số vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Nội dung:

- Tổ chức phổ cập, hướng dẫn trực tiếp các kỹ năng số thiết yếu cho người dân tại buôn được lựa chọn thí điểm theo phương thức “cầm tay chỉ việc”, “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, “học đến đâu, thực hành được đến đó”; ưu tiên người cao tuổi, người yếu kỹ năng số và người còn hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ.

- Lựa chọn nội dung, hình thức hướng dẫn phù hợp với trình độ, ngôn ngữ, đặc điểm văn hóa và nhu cầu thực tế của người dân; ưu tiên sử dụng hình ảnh, video, tài liệu trực quan, thao tác trực tiếp trên thiết bị của người dân và sử dụng tiếng dân tộc thiểu số khi cần thiết.

- Xây dựng và phát huy lực lượng “hạt nhân số tại buôn” từ già làng, trưởng buôn, người có uy tín, đoàn viên thanh niên, giáo viên, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng và người dân có kỹ năng số; thực hiện phương thức người biết hướng dẫn người chưa biết, hỗ trợ thường xuyên ngay tại cộng đồng.

- Duy trì điểm hỗ trợ kỹ năng số tại Nhà văn hóa, Nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc địa điểm phù hợp để người dân được hướng dẫn, hỗ trợ khi có nhu cầu; từng bước hình thành môi trường học tập và hỗ trợ kỹ năng số thường xuyên tại buôn.

- Hướng dẫn người dân khai thác các nền tảng, dịch vụ và tiện ích số thiết yếu phục vụ đời sống, sản xuất; hỗ trợ quảng bá sản phẩm, nông sản, nghề truyền thống và nét văn hóa đặc trưng của buôn trên các nền tảng số phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế.

- Việc đánh giá tập trung vào mức độ tiến bộ và khả năng tự thực hiện các kỹ năng số thiết yếu của người dân sau khi được hướng dẫn; không đặt điều kiện cứng về sở hữu thiết bị, thương mại điện tử hoặc các yêu cầu chưa phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn.

b) Chỉ tiêu: 100% hộ dân tại buôn điểm được tiếp cận tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng số; hình thành lực lượng hạt nhân số tại buôn và duy trì điểm hỗ trợ kỹ năng số thường xuyên; người dân tham gia đạt các chỉ tiêu về kỹ năng số thực hành và các nhóm tiêu chí theo Bộ tiêu chí “Thôn/buôn số - vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.

c) Đơn vị chủ trì:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn nội dung, phương pháp triển khai mô hình “Thôn/buôn số - vùng đồng bào dân tộc thiểu số”; hướng dẫn áp dụng Bộ tiêu chí, theo dõi, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện.

- UBND các xã, phường thí điểm chủ trì tổ chức triển khai tại các buôn được lựa chọn; huy động Tổ Công nghệ số cộng đồng, già làng, trưởng buôn, người có uy tín, đoàn viên, thanh niên và các lực lượng tại cơ sở trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người dân.

d) Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan; các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Đơn vị đồng hành: Viettel Đắk Lắk; VNPT Đắk Lắk; MobiFone Đắk Lắk và các doanh nghiệp công nghệ số.

f) Thời gian thực hiện: Từ ngày 22/9/2026 đến ngày 22/12/2026.

g) Kết quả đầu ra:

- Nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ số của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hình thành các thôn, buôn số tiêu biểu tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Đánh giá kết quả, hoàn thiện mô hình

a) Nội dung: UBND các xã, phường thí điểm tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện từng mô hình theo Bộ tiêu chí tương ứng; rà soát, hoàn thiện các tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt; tổng hợp kết quả, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu và minh chứng phục vụ công tác thẩm định, công nhận mô hình. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ các địa phương trong quá trình tự đánh giá và hoàn thiện mô hình.

b) Chỉ tiêu: 100% xã, phường thí điểm hoàn thành tự đánh giá, chấm điểm và hồ sơ minh chứng theo Bộ tiêu chí của từng mô hình; các mô hình đủ điều kiện được đề nghị thẩm định, công nhận; đề xuất các tiêu chí, nội dung triển khai vào các giai đoạn tiếp theo.

c) Đơn vị chủ trì: UBND các xã, phường thí điểm.

d) Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Thời gian thực hiện: Trước ngày 15/12/2026.

f) Kết quả đầu ra: Báo cáo kết quả triển khai thí điểm các mô hình của UBND các xã, phường thí điểm.

6. Thẩm định, công nhận và tổng kết thí điểm

a) Nội dung: Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, hồ sơ đề nghị, đề xuất các tiêu chí, nội dung triển khai của UBND các xã, phường thí điểm, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định thực tế kết quả triển khai từng mô hình theo Bộ tiêu chí tương ứng; tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, công nhận các mô hình đạt yêu cầu. Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thí điểm, xác định những cách làm

hiệu quả, những khó khăn, hạn chế; biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu và đề xuất phương án hoàn thiện, nhân rộng các mô hình trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ tiêu: 100% mô hình hoàn thành thí điểm được tổ chức đánh giá, thẩm định theo Bộ tiêu chí tương ứng; các mô hình đủ điều kiện được trình UBND tỉnh xem xét, công nhận; tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thí điểm và đề xuất phương án nhân rộng.

c) Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành có liên quan; UBND các xã, phường thí điểm; các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số và các cơ quan, đơn vị tham gia triển khai mô hình.

e) Thời gian thực hiện: Trước ngày 27/12/2026.

g) Kết quả đầu ra:

- Báo cáo tổng kết thí điểm.
- Danh sách mô hình được công nhận.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phong trào “Bình dân học vụ số”, các nguồn tài trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đảm bảo theo đúng theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao chủ trì thực hiện tại Phần III của Kế hoạch này.

- Tổng hợp đề xuất của UBND các xã, phường; chủ trì, phối hợp Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường lựa chọn xã, phường triển khai nhân rộng mô hình trong các giai đoạn tiếp theo, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn nghiệp vụ, biểu mẫu tự đánh giá theo đúng 04 Bộ tiêu chí; chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh công nhận mô hình; tổ chức tổng kết thí điểm.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo định kỳ; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

2. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao chủ trì thực hiện tại Phần III của Kế hoạch này.

- Hướng dẫn kích hoạt VNeID mức độ 2, tích hợp các loại giấy tờ thiết yếu, chữ ký số, kỹ năng an toàn thông tin, phòng chống lừa đảo trực tuyến cho công dân tại các thôn/buôn/tổ dân phố điểm.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương lựa chọn xã, phường thí điểm.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ được giao chủ trì tại Phần III của Kế hoạch này; hướng dẫn ứng dụng công nghệ trong sản xuất, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, sản phẩm OCOP gắn với chuyển đổi số, đưa sản phẩm lên “Bản đồ số nông sản” phục vụ mô hình “Nông thôn số - Làm giàu từ công nghệ”.

4. Sở Công Thương

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường lựa chọn xã, phường thí điểm.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ được giao chủ trì tại Phần III của Kế hoạch này; hỗ trợ kết nối sàn thương mại điện tử phục vụ mô hình “Nông thôn số - Làm giàu từ công nghệ”; phối hợp hỗ trợ quảng bá sản phẩm của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn các xã, phường thí điểm, đặc biệt tại các buôn đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ cập kỹ năng số; huy động giáo viên, học sinh, đoàn viên thanh niên tham gia hỗ trợ người dân tại các địa bàn thí điểm khi có yêu cầu.

6. Sở Nội vụ

Chủ trì hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu khi tổng kết thí điểm.

7. Sở Tài chính

Hướng dẫn, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện khi các cơ quan, đơn vị, địa phương có đề xuất theo quy định về phân cấp ngân sách.

8. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Quan tâm, định hướng nội dung tuyên truyền chung cho cả 04 mô hình (có nội dung bằng tiếng dân tộc thiểu số khi cần thiết); theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác tuyên truyền.

9. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- UBND các xã, phường căn cứ 04 Bộ tiêu chí, chủ động rà soát, đề xuất thôn/buôn/tổ dân phố có đủ điều kiện xây dựng mô hình điểm, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tham mưu.

- Đối với xã, phường được lựa chọn thí điểm: Ban hành Kế hoạch chi tiết; trực tiếp chỉ đạo, huy động Tổ Công nghệ số cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia triển khai tại cơ sở; tổ chức sơ kết, tổng kết, tự đánh giá theo từng Bộ tiêu chí; đề nghị thẩm định, công nhận mô hình.

- Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền việc triển khai các mô hình điểm trên trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội của cơ quan, đơn vị, lan tỏa tri thức số đến mọi tầng lớp Nhân dân.

10. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số trên địa bàn tỉnh (Viettel, VNPT, Mobifone)

Rà soát, xử lý vùng lõm sóng tại địa bàn các xã, phường thí điểm; hỗ trợ hạ tầng, thiết bị, gói cước ưu đãi cho thôn/buôn/khu phố điểm, ưu tiên buôn đồng bào dân tộc thiểu số; cử cán bộ kỹ thuật phối hợp Tổ Công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thí điểm 04 mô hình mẫu “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện; báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện và những khó khăn, vướng mắc (nếu có) về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- BCĐ về KHCN, ĐMST và CDS tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Các Phòng: TT: ĐTKT, HCQT; Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{Tien}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo